

PHONG CÁCH KIẾN TRÚC ĐÔNG DƯƠNG TẠI HÀ NỘI: TỪ ẢNH HƯỞNG THUỘC ĐỊA ĐẾN BẢN SẮC KIẾN TRÚC LAI GHEP

THS.KTS PHẠM MINH HOÀNG, THS.KTS VÕ THUỖ DUNG, THS DƯƠNG BÍCH PHƯỢNG | TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

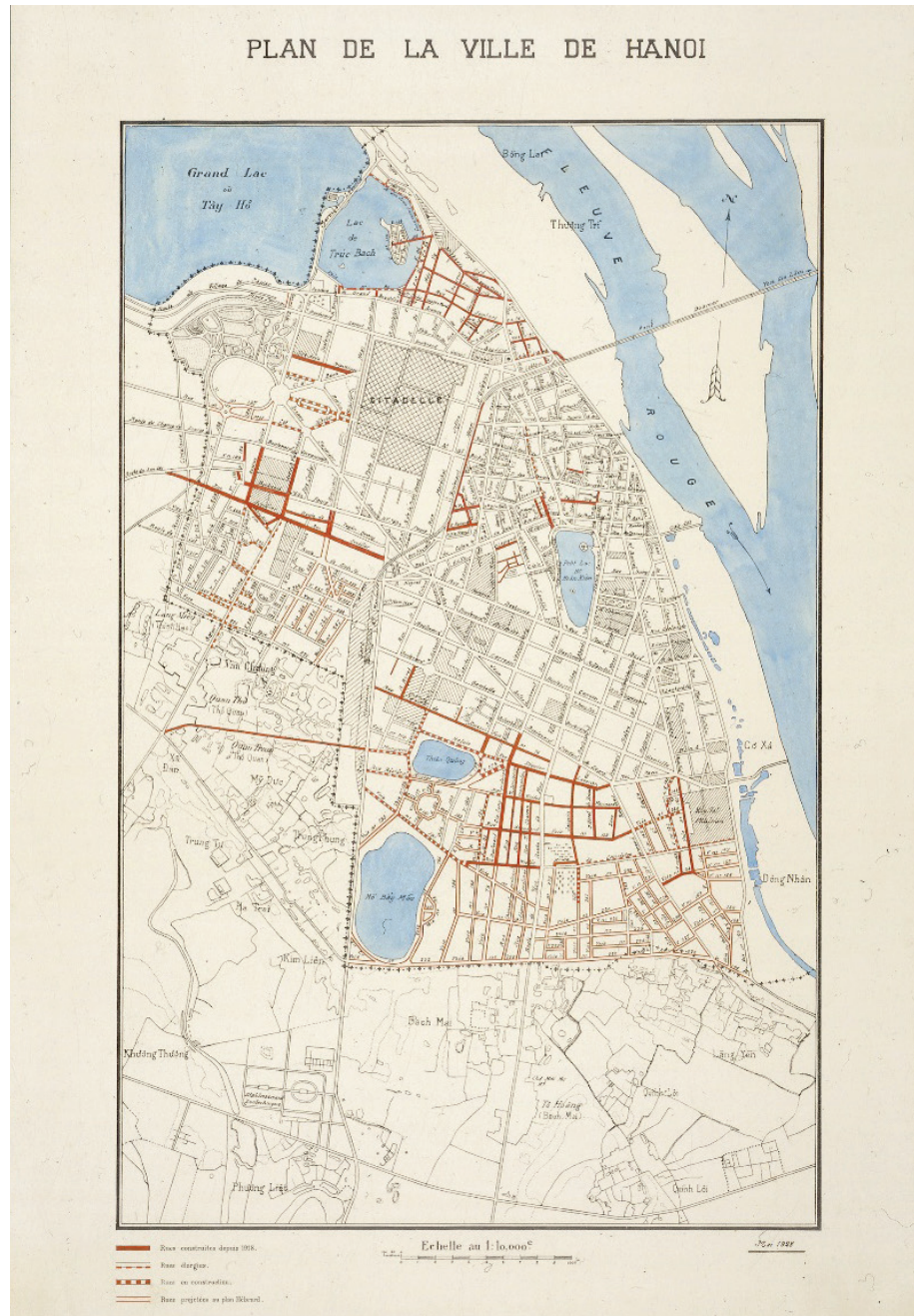
MỞ ĐẦU

Khi người Pháp đặt chân đến Hà Nội vào cuối thế kỷ XIX, họ không chỉ mang theo quyền lực chính trị mà còn áp đặt một mô hình đô thị và kiến trúc hoàn toàn xa lạ với truyền thống bản địa. Dưới vỏ bọc của “sứ mệnh khai hóa”, người Pháp đã tổ chức lại không gian đô thị theo nguyên tắc phương Tây, với các trục đường thẳng, công trình hành chính, biệt thự và quảng trường được quy hoạch một cách bài bản. Tuy nhiên, trong quá trình thực dân hóa ấy, một hiện tượng đặc biệt đã xuất hiện - phong cách kiến trúc Đông Dương - như một nỗ lực điều chỉnh và lai ghép giữa kiến trúc Pháp cổ điển với điều kiện tự nhiên và văn hóa Á Đông.

Phong cách kiến trúc Đông Dương (Indochinoiserie) không đơn thuần là sự “làm mềm” kiến trúc thuộc địa để phù hợp với khí hậu nhiệt đới, mà là một chiến lược thẩm mỹ - chính trị, trong đó người Pháp cố gắng tạo dựng một bản sắc kiến trúc mang tính bản địa hóa có kiểm soát. Được dẫn dắt bởi KTS Ernest Hébrard, phong cách này hình thành nên những biểu tượng kiến trúc đặc trưng cho một thời kỳ giao thoa văn hóa sâu sắc.

Trong bối cảnh hiện nay, khi các đô thị Việt Nam đối mặt với khủng hoảng bản sắc kiến trúc và sự đồng hóa toàn cầu, việc nhìn lại phong cách kiến trúc Đông Dương tại Hà Nội không chỉ mang ý nghĩa lịch sử - di sản, mà còn đặt ra những câu hỏi quan trọng về lai ghép văn hóa, bản địa hóa thiết kế và sự sản sinh không gian trong điều kiện thuộc địa và hậu thuộc địa.

Bài viết này nhằm phân tích tiến trình hình thành và các đặc trưng của phong cách kiến trúc Đông Dương tại Hà Nội đầu thế kỷ XX, từ đó làm rõ bản chất “lai ghép chủ ý” của phong cách này.

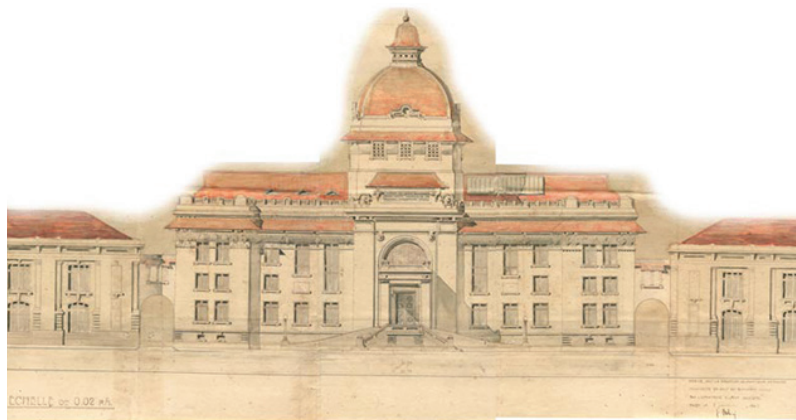


Bản đồ Hà Nội 1928 thể hiện ý đồ quy hoạch có sự kết hợp giữa Á - Âu
(Nguồn ảnh: Trung tâm dữ liệu)

TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH PHONG CÁCH KIẾN TRÚC ĐÔNG DƯƠNG

Bối cảnh thuộc địa và chiến lược quy hoạch - xây dựng tại Hà Nội

Sau khi Hà Nội trở thành thủ phủ của Liên bang Đông Dương năm 1902, người Pháp đã triển khai một chiến lược quy hoạch bài bản nhằm tái cấu trúc không gian đô thị theo mô hình



Hình ảnh trường Đại học Đông Dương giai đoạn ban đầu với thiết kế mái chóp kiểu Tây Âu và công trình sau khi hoàn thiện đã có sự biến chuyển trong việc thay đổi hình thức mái như một biểu tượng với ngôn ngữ và chi tiết rất Á Đông

phương Tây. Cấu trúc đô thị với mạng lưới ngõ xóm đan xen, bị bao quanh bởi các khu phố mới được quy hoạch theo trục, ô bàn cờ, với các công trình mang tính biểu tượng như Phủ Toàn quyền, Dinh thống sứ, Nhà hát lớn và hệ thống trường học, bệnh viện, doanh trại...

Giai đoạn từ 1902 đến khoảng 1920, kiến trúc tại Hà Nội chủ yếu mang phong cách Tân cổ điển Pháp, đặc trưng bởi sự đối xứng, chi tiết phào chỉ, mái mansarde và tỷ lệ cân đối. Tuy nhiên, các công trình này sớm bộc lộ bất cập trong điều kiện khí hậu nhiệt đới: nóng ẩm, mưa nhiều, cường độ ánh sáng lớn. Bên cạnh đó, yêu cầu “thuộc địa hóa mềm” của chính quyền Pháp khiến giới kiến trúc sư phải tìm kiếm một hướng đi mới cho kiến trúc ở Đông Dương - không chỉ phù hợp với môi trường mà còn mang dáng dấp “bản địa” để dễ được tiếp nhận hơn bởi dân bản xứ.

Chính trong nhu cầu đó, phong cách kiến trúc Đông Dương dần hình thành như một giải pháp trung gian - nơi kiến trúc hiện đại phương Tây được điều chỉnh để hòa nhập vào bối cảnh bản địa, vừa nhằm thể hiện quyền lực văn minh phương Tây, vừa tạo ra một hình ảnh “thuộc địa hiền hòa”.

Vai trò của Trường Mỹ thuật Đông Dương và Ernest Hébrard

Một cột mốc quan trọng trong sự hình thành phong cách kiến trúc Đông Dương là sự xuất hiện của KTS Ernest Hébrard - người được bổ nhiệm làm Chánh Sở Quy hoạch Đông Dương từ năm 1921-1931. Cùng với việc cải tổ quy hoạch Hà Nội, Hébrard đưa ra quan điểm xây dựng một phong cách kiến trúc “lai” - kết hợp yếu tố

nghệ thuật cổ điển Pháp với hình thức trang trí và tổ chức không gian bản địa.

Phong cách này không chỉ là giải pháp hình thức mà còn mang tính ý thức hệ: tạo nên một bản sắc kiến trúc thuộc địa vừa “khác biệt” với mẫu quốc, vừa nhằm tạo ra cảm giác gần gũi với dân bản xứ - một hình ảnh “châu Á hóa nước Pháp” giữa lòng Đông Dương.

Sự ra đời của Trường Mỹ thuật Đông Dương năm 1925 (École des Beaux-Arts de l'Indochine), do Victor Tardieu và Nguyễn Nam Sơn sáng lập, đã góp phần lan tỏa tư tưởng thẩm mỹ mới này. Các sinh viên tốt nghiệp từ trường được đào tạo theo phương pháp hàn lâm Pháp nhưng có ý thức khai thác mỹ thuật truyền thống Việt Nam, từ hoa văn đình chùa đến hình khối gốm, sơn mài, tranh dân gian. Trong lĩnh vực kiến trúc, các kiến trúc sư như Nguyễn Cao Luyện, Hoàng Như Tiếp, Trần Hữu Tiếp... là những người tiếp nối tư tưởng Đông Dương và đưa nó vào các công trình biệt thự, trường học và nhà ở thời kỳ cuối thuộc địa.

Từ kiến trúc thuộc địa đến kiến trúc “bản địa hóa” có kiểm soát

Giai đoạn sau 1925 đánh dấu sự chuyển mình rõ rệt từ kiến trúc “thuần châu Âu” sang kiến trúc “Đông Dương hóa”. Các công trình bắt đầu sử dụng mái ngói truyền thống, cửa chóp gỗ, hành lang sâu, hệ kết cấu thông gió tự nhiên, gạch lát chống trơn, sơn tường màu vàng đất... Các chi tiết trang trí không còn là phào chỉ châu Âu mà được thay bằng hoa văn phương Đông cách điệu, hoặc các biểu tượng như bình phong, hình mây, mặt trời, âm dương...

Tuy nhiên, sự bản địa hóa này không xuất phát từ nhu cầu văn hóa nội sinh của người Việt, mà là sản phẩm của một chiến lược thẩm mỹ - chính trị từ phía người Pháp. Trong đó, các yếu tố “địa phương” được chọn lọc, cách điệu và phối hợp có kiểm soát, tạo nên một hình ảnh kiến trúc vừa quen vừa lạ - vừa thể hiện sự thích nghi, vừa khẳng định vị thế của người thống trị.

Đây chính là giai đoạn phong cách kiến trúc Đông Dương đạt đến độ hoàn thiện - không phải như một trào lưu hình thức, mà như một chiến lược không gian phục vụ cho tư tưởng thuộc địa.

CÁC ĐẶC TRƯNG KIẾN TRÚC ĐÔNG DƯƠNG TẠI HÀ NỘI

Phong cách kiến trúc Đông Dương là kết quả của một tiến trình lai ghép văn hóa và kỹ thuật trong điều kiện thuộc địa. Khác với những phong cách kiến trúc du nhập bị sao chép rập khuôn, Đông Dương là một nỗ lực sáng tạo bản địa hóa có chủ đích. Tại Hà Nội, phong cách này được thể hiện rõ nét qua các yếu tố hình thức, tổ chức không gian và kỹ thuật xây dựng, phản ánh sự hòa quyện giữa mỹ học phương Tây và truyền thống Á Đông, giữa biểu tượng quyền lực và tính thích nghi bản địa.

Tổ chức mặt bằng và không gian sử dụng

Một trong những chuyển biến rõ nét trong kiến trúc Đông Dương là việc điều chỉnh tổ chức mặt bằng để thích nghi với khí hậu nhiệt đới và thói quen sinh hoạt Á Đông. Các công trình không còn tuân theo bố cục đối xứng nghiêm ngặt kiểu Pháp, mà thay vào đó là sự phân bố linh

hoạt: phòng được thông gió chéo, hành lang bao quanh, khoảng sân trong tạo thông thoáng và đối lưu khí.

Đặc biệt, một số biệt thự tại Hà Nội thời đó thường được tổ chức theo dạng nhà hình chữ nhật hoặc L, với hành lang chạy dọc hoặc bao quanh, tạo nên lớp vỏ cách nhiệt tự nhiên cho khối ở chính. Sự hiện diện của các không gian đệm như hiên, hành lang chính là minh chứng cho sự thích nghi khí hậu và hình thành các không gian chuyển tiếp đặc trưng mà kiến trúc Pháp thuần túy không có.

Hình thức mái và mặt đứng

Mái nhà là yếu tố chuyển tải mạnh mẽ nhất tính bản địa trong kiến trúc Đông

Dương. Thay vì mái mansarde kiểu Pháp, các công trình Đông Dương thường sử dụng mái ngói dốc hai hoặc bốn chiều, với độ vươn lớn để chắn nắng và mưa. Mái thường được lợp ngói ta, có kết cấu gỗ.

Mặt đứng công trình được thiết kế vừa có tính thẩm mỹ, vừa tối ưu cho thông gió và chiếu sáng. Hệ cửa sổ lớn dạng chớp gỗ, kết hợp quạt gió trên cao, tường dày, ban công sâu, mái đua... đều hướng đến mục tiêu tạo ra lớp vỏ bao che thích nghi.

Trang trí kiến trúc và biểu tượng văn hóa

Một trong những yếu tố làm nên "tinh thần Đông Dương" là các chi tiết trang trí kiến trúc mang đậm chất Á Đông, được sáng tạo từ hệ hình truyền thống.

Không còn phào chỉ cầu kỳ kiểu cổ điển, kiến trúc Đông Dương sử dụng những chi tiết được cách điệu từ hoa sen, hình long - ly - quy - phượng, chữ Hán, mây bay, lá đề, bánh xe luân hồi... Các mô típ này thường xuất hiện trên lan can, hàng con tiện, phù điêu, bệ cột, vòm cong, hoặc trên các bức phù điêu tròn đặt ở mặt tiền.

Khác với việc sao chép nguyên xi di sản truyền thống, các họa tiết trong kiến trúc Đông Dương được **hiện đại hóa** - giản lược hình khối, cân đối tỷ lệ, phối hợp hài hòa với hình thức phương Tây - tạo nên một ngôn ngữ thẩm mỹ mới. Đây là điểm phân biệt quan trọng giữa kiến trúc Đông Dương và các kiểu kiến trúc phục dựng hoặc "giả cổ" khác.

Vật liệu xây dựng và cảm quan chất liệu

Về vật liệu, kiến trúc Đông Dương tại Hà Nội chủ yếu sử dụng hỗn hợp giữa vật liệu hiện đại phương Tây và vật liệu truyền thống bản địa. Hệ kết cấu chủ yếu là tường gạch chịu lực, nhưng bề mặt được xử lý theo tinh thần truyền thống: vữa trát màu vàng đất, lát gạch nung, lan can gỗ, gạch bông, gốm trang trí...

Cảm giác "ấm cúng, thô mộc, gợi ký ức" là yếu tố nổi bật của chất liệu trong kiến trúc Đông Dương. Điều này góp phần tạo nên chiều sâu cảm xúc cho không gian ở, đồng thời đối lập rõ rệt với sự lạnh lùng của kính - thép - bê tông trong kiến trúc hiện đại phi bản sắc.

PHONG CÁCH KIẾN TRÚC ĐÔNG DƯƠNG NHƯ MỘT HỆ THỐNG LAI GHEP

Sự lai ghép trong kiến trúc Đông Dương không chỉ thể hiện ở cấp độ hình thức hay vật liệu mà sâu hơn, đó là kết quả của một **chiến lược sản sinh không gian mang tính chính trị - văn hóa** trong điều kiện thuộc địa. Từ góc nhìn hậu thuộc địa, kiến trúc Đông Dương có thể được diễn giải như một biểu hiện của quyền lực mềm thuộc địa, nơi mà "bản địa hóa có kiểm soát" trở thành công cụ để duy trì quyền lực thông qua không gian.

Lý thuyết hậu thuộc địa và tính "lai ghép chủ đích" trong kiến trúc

Trong lý thuyết hậu thuộc địa, Homi Bhabha đề xuất khái niệm **"lai ghép" (hybridity)** như là hiện tượng sinh ra



Đại học Quốc gia Hà Nội
(Nguồn ảnh: Trung tâm dữ liệu)

trong vùng giao thoa giữa văn hóa thống trị và văn hóa bị trị. Theo đó, các sản phẩm văn hóa thuộc địa không hoàn toàn là sự áp đặt từ trên xuống, cũng không phải bản sao yếu ớt của truyền thống bản địa, mà là những cấu trúc mang tính lai - nơi các yếu tố văn hóa giao thoa, đấu tranh và tạo sinh hình thức mới.

Kiến trúc Đông Dương tại Hà Nội chính là một dạng “không gian lai ghép” như vậy. Nó không thể bị quy giản thành kiến trúc Pháp, cũng không hoàn toàn là “kiến trúc Việt truyền thống hiện đại hóa”. Thay vào đó, nó là một dạng kiến trúc **trong vùng làn ranh**, nơi các yếu tố văn hóa, khí hậu, kỹ thuật và biểu tượng được chưng cất để hình thành một ngôn ngữ riêng - vừa mang tính đại diện cho quyền lực thực dân, vừa sử dụng hình ảnh “thân thiện” để thâm nhập xã hội bản địa.

Lý thuyết của Henri Lefebvre về “**sản sinh không gian**” cũng giúp lý giải quá trình này: không gian kiến trúc không chỉ là nơi ở hay biểu tượng thị giác, mà là kết quả của các mối quan hệ xã hội - chính trị - văn hóa được “khắc họa” qua hình khối, vật liệu, và cách tổ chức chức năng.

Một số trường hợp công trình tiêu biểu tại Hà Nội

Các công trình kiến trúc Đông Dương tại Hà Nội không chỉ tồn tại như cá thể, mà tạo thành một **mạng lưới không gian liên kết**, giúp hình thành bản sắc đô thị đặc trưng của thành phố thời kỳ thuộc địa. Một số công trình tiêu biểu như:

Trường Đại học Đông Dương (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội, 19 Lê Thánh Tông): Kết hợp mái ngói, dây hành lang có cột, cửa sổ chớp gỗ; chi tiết phù điêu mang mô típ Á Đông.

Bảo tàng Louis Finot (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia): Thiết kế bởi Ernest Hébrard, thể hiện rõ sự kết hợp giữa hình khối châu Âu (tỷ lệ cân đối, hệ trục) và mái ngói tam cấp, cột vuông, chi tiết vòm mang âm hưởng đình chùa Việt.

Viện Pasteur Hà Nội (số 1 Yersin): Công trình y tế nhưng mang dáng dấp biệt thự với sân trong, mái dốc, mặt đứng được nhấn bởi vòm và lan can gỗ - điển hình cho tính chất công năng kết hợp biểu tượng.



*Biệt thự ở phố Nguyễn Du
(Nguồn ảnh: Trung tâm dữ liệu)*



*Bảo tàng Lịch sử Quốc gia
(Nguồn ảnh: Trung tâm dữ liệu)*

Các công trình này tạo nên một hệ sinh thái kiến trúc - đô thị, trong đó phong cách Đông Dương không chỉ là thẩm mỹ mà còn là cách tổ chức không gian theo một trật tự xã hội đặc thù, nơi người Pháp kiểm soát quyền lực thông qua biểu tượng, nhưng đồng thời cũng phải thích nghi với môi trường và văn hóa bản địa.

Từ kiến trúc đại diện đến bản sắc đô thị

Không thể phủ nhận rằng phong cách Đông Dương đã góp phần định hình bản sắc thị giác của Hà Nội trong suốt thế kỷ XX. Không gian phố phường với mái ngói đỏ, hiên sâu, hàng rào thấp, mặt đứng có nhịp điệu, vật liệu tự nhiên... đã tạo ra một “tâm nhìn đô thị” (urban landscape) mang tính biểu tượng.

Phong cách này là minh chứng sống động cho khả năng tạo nên kiến trúc bản địa hóa trong điều kiện đa văn hóa, và là cơ sở để chúng ta suy ngẫm về các mô hình thiết kế kiến trúc thích nghi, bền vững và gắn bó với con người - thay vì các dạng kiến trúc copy toàn cầu thiếu bản sắc.

KẾT LUẬN

Kiến trúc Đông Dương tại Hà Nội là một biểu hiện độc đáo và phức hợp của tiến trình thuộc địa hóa và bản địa hóa không gian. Không chỉ là kết quả của những điều kiện tự nhiên hay kỹ thuật xây dựng, phong cách này còn là sản phẩm của một chiến lược thẩm mỹ - chính trị, trong đó các kiến trúc sư và nhà quy hoạch người Pháp đã chủ động “thiết kế” nên một không gian vừa mang tính đại diện cho quyền lực thuộc địa, vừa có khả năng hòa nhập vào môi trường và biểu tượng văn hóa địa phương.

Từ những công trình quy mô lớn như Trường Đại học Đông Dương, kiến trúc Đông Dương thể hiện rõ tính lai ghép: giữa Pháp và Việt, giữa hiện đại và truyền thống, giữa đối kháng và thỏa hiệp. Dưới góc nhìn hậu thuộc địa, phong cách này không thể chỉ hiểu như “kiến trúc thực dân kiểu nhiệt đới”, mà nên được tiếp cận như một hiện tượng văn hóa kiến trúc bản địa hóa có kiểm soát, sản sinh trong điều kiện giao thoa bất đối xứng giữa hai nền văn hóa. Giá trị của phong cách Đông Dương không chỉ nằm ở hình thức kiến trúc hay chi tiết trang trí, mà còn ở cách nó tổ chức không gian sống phù hợp với điều kiện khí hậu, kết hợp giữa công năng và cảm xúc, giữa biểu tượng và đời sống. Trong bối cảnh hiện nay, khi kiến trúc đô thị Việt Nam đang đối mặt với tình trạng sao chép hình thức toàn cầu, mất bản sắc địa phương và khủng hoảng văn hóa thị giác, việc nghiên cứu và tiếp cận lại phong cách Đông Dương mang ý nghĩa thiết thực - không chỉ để bảo tồn di sản, mà còn để gợi mở những nguyên lý thiết kế **mang tính bản địa, nhân văn và bền vững**.

Phong cách kiến trúc Đông Dương không phải là một giai đoạn lịch sử đã khép lại, mà là một gợi ý cho tương lai: làm thế nào để kiến trúc có thể vừa hiện đại, vừa bản sắc; vừa đáp ứng chức năng kỹ thuật, vừa nuôi dưỡng ký ức và cảm xúc không gian. Việc hiểu đúng và diễn giải đúng tinh thần Đông Dương không nằm ở việc phục dựng hình thức cũ, mà ở khả năng học hỏi từ cách thức kiến trúc ấy đối thoại với bối cảnh - văn hóa - con người - thiên nhiên./

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài thuộc trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2023-02.36.